

THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

✍ NGUYỄN CÔNG ĐỨC*

Ngày nhận: 12/3/2020

Ngày phản biện: 14/3/2020

Ngày duyệt đăng: 28/3/2020

Tóm tắt: Trong tiến trình phát triển lịch sử thế giới, bất cứ chế độ xã hội nào cũng đều quan tâm đặc biệt đến sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc mình. Thực tế lịch sử cho thấy, muốn xây dựng nền kinh tế phát triển bền vững thì một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu là phải đi liền với giải quyết các vấn đề xã hội. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội là một trong những chủ trương, giải pháp lớn nhằm phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Trong phạm vi bài viết, tác giả nghiên cứu tính tất yếu, tầm quan trọng, thực tiễn và định hướng giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Vấn đề xã hội; xây dựng CNXH; thực tiễn Việt Nam.

PRACTICE TO RESOLVE IN SOCIAL ISSUES THE PROCESS OF GOING TO SOCIALISM IN VIETNAM TODAY

Abstract: In the process of world history development, any social regime pays special attention to the sustainable development of the nation and its people. Historical reality shows that in order to build a sustainable economic development, one of the top issues of concern must be associated with solving social issues. Good resolution of social issues is one of the major undertakings and solutions to the socio-economic development of our Party and State. Within the scope of this article, the author investigates the inevitability, importance, practice and direction of solving social problems in Vietnam today.

Keyword: Social Issues; build socialism; practical in Vietnam

1. Đặt vấn đề

Quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội phản ánh bản chất của một chế độ xã hội của dân, do dân và vì dân, một thuộc tính cơ bản của CNXH. Thực tế đã chứng minh một nhà nước không quan tâm đến xã hội, không quan tâm đến quyền lợi của người dân thì nhà nước đó sớm muộn cũng tiêu vong (nhà nước chủ nô; nhà nước phong kiến). Nhà nước XHCN với bản chất là nhà nước của dân, do dân và vì dân, là một nhà nước tiến bộ, nước ta lại càng phải đặt việc giải quyết các vấn đề xã hội lên hàng đầu, là một trong những nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

2. Quan điểm của Đảng ta về vị trí, vai trò của các vấn đề xã hội

Các vấn đề xã hội có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, do vị trí của con người trong xã hội quy định. Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là xã hội vì con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và lấy việc nâng cao chất lượng cuộc sống con người làm mục tiêu phục vụ. Đảng ta luôn nhấn mạnh phát triển kinh tế, phải đi liền với việc giải quyết tốt các vấn đề

xã hội. Phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, lại càng đòi hỏi phải giải quyết tốt những vấn đề xã hội, bởi lẽ phát triển kinh tế phải là sự phát triển bền vững, dựa trên những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường vững chắc... Bền vững về mặt xã hội, là bảo đảm vừa đạt được tăng trưởng kinh tế, vừa giữ được ổn định xã hội, không có những xáo trộn xung đột, nổi loạn làm ảnh hưởng đến việc huy động các nguồn lực cho phát triển. Trong phát triển bền vững, yếu tố kinh tế và yếu tố xã hội quện vào nhau, hoà nhập vào nhau. Mục tiêu phát triển kinh tế, phải bao gồm cả mục tiêu giải quyết những vấn đề xã hội, như vấn đề việc làm, xoá đói giảm nghèo... thoả mãn nhu cầu cơ bản của nhân dân, công bằng xã hội. Ngược lại, mục tiêu phát triển xã hội cũng nhằm tạo động lực phát triển kinh tế. Đó chính là sự khác nhau căn bản về mục tiêu phát triển giữa con đường chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn.

Trên cơ sở nhận thức mới về vai trò của các vấn

* Trưởng Đại học Công đoàn

để xã hội, mở đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã chỉ rõ “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế”¹. Đến Đại hội VII (1991), sau khi xác định được những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, Đảng ta đã nêu lên định hướng lớn “Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát triển mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng xã hội chủ nghĩa”². Trên cơ sở định hướng ấy, Đảng ta đã chính thức khẳng định một số quan điểm chỉ đạo việc kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Cụ thể là: Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của yếu tố con người và vì con người. Kết hợp hài hoà giữa kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất với đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Đến Đại hội VIII (1996) Đảng ta đã bổ sung một quan điểm quan trọng là “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển”³.

Đại hội IX của Đảng không nhắc lại các quan điểm chỉ đạo của Đại hội VIII, nhưng nhấn mạnh “Thực hiện các chính sách xã hội, hướng vào phát triển và lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp” và “Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, để cao tinh thần trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân, các tổ chức xã hội”⁴.

Trên cơ sở khái quát những thành tựu và hạn chế của 20 năm đổi mới, trong đó có thành tựu và hạn chế của việc xây dựng và phát triển các vấn đề xã hội, Đại hội X của Đảng khẳng định quan điểm: “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội, trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế xã hội... Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc”⁵.

Giai đoạn 2011-2016, Đảng khẳng định rằng, tiến bộ xã hội và công bằng xã hội là hai mục tiêu song trùng của sự phát triển xã hội; mục đích tối cao của tăng trưởng kinh tế là nhằm phát triển con người; mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xét cho cùng, là để giải phóng những giá trị văn hóa tích cực nhất cho loài người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; mặt khác, tăng trưởng kinh tế, đồng thời giúp con người có nhiều cơ hội, khả năng tiếp nhận các giá trị văn hóa, đưa xã hội tiến lên những nấc thang mới trong lịch sử nhân loại. Văn kiện Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh: “Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần”⁶. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”⁷.

Như vậy, trong thời kỳ đổi mới Đảng luôn chủ trương phát triển kinh tế, phải gắn kết chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội; coi hai mục tiêu này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó tăng trưởng kinh tế là cơ sở, làm tiền đề và điều kiện cho nhau, ngược lại, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội là điều kiện quan trọng, thúc đẩy và bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.

Trước thực tiễn các vấn đề xã hội cơ bản đó, cùng với đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội cơ bản có vai trò đặc biệt quan trọng, trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

3. Thực tiễn giải quyết một số vấn đề xã hội cơ bản

Trên thực tế, trong mấy thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã đạt được những kết quả rất quan trọng trong việc giải quyết một số vấn đề xã hội cơ bản. Đại hội XII của Đảng đã nhận định: “Trong những năm qua,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb CTQG, H, tr 186.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb CTQG, H, tr.13.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb CTQG, H, tr.113.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb CTQG, H, tr 104 và 108.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb CTQG, H, tr 101.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, Hà Nội., tr.79.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, Hà Nội., tr.299.

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo để giải quyết các vấn đề xã hội... Ngân sách nhà nước dành cho các chương trình quốc gia nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gia tăng hằng năm. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết và cơ bản các mục tiêu Thiên niên kỷ...⁸.

Về xóa đói giảm nghèo

Theo số liệu thống kê, dự kiến, đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước giảm còn dưới 4% (giảm 1,3% so với cuối năm 2018), bình quân tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm xuống dưới 29%. Năm 2019, ngành LĐTB&XH tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 với kinh phí được phân bổ từ ngân sách trung ương là 10.436,9 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển là 8.000 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 2.436,9 tỷ đồng; thực hiện hiệu quả các chính sách thường xuyên cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, khuyến nông và khuyến lâm, hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình giảm nghèo, trợ giúp pháp lý...)⁹.

Về giáo dục và đào tạo

Trong những thập kỷ qua, nền giáo dục Việt Nam có những bước phát triển, có những thành tựu đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực cho công cuộc xây dựng, bảo vệ và đổi mới đất nước. Theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ngành Giáo dục Đào tạo đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng.

Ngành đã tiếp tục có những giải pháp để hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương, các cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện tốt hơn. Các địa phương đã rà soát, quy hoạch lại mạng lưới giáo dục, sáp nhập các trường tiểu học, trung học cơ sở có quy mô nhỏ thành trường đa cấp có quy mô lớn hơn; Chất lượng đội ngũ giáo viên và quản lý giáo dục được nâng cao. Công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên chuẩn bị cho triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được triển khai tích cực, bài bản, toàn diện và hệ thống. Công tác bồi dưỡng thường

xuyên, chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên; Chất lượng giáo dục mầm non có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng giáo dục phổ thông được nâng cao.

Bảng 1: Số trường học, lớp học, giáo viên và học sinh mẫu giáo tại thời điểm 30/9/2017

	2017			
	Trường học (Trường)	Lớp học (Lớp)	Giáo viên (Người)	Học sinh (Nghìn học sinh)
CẢ NƯỚC	15.241,0	155.775,0	266.346,0	4.599.841,0
Đồng bằng sông Hồng	3.320,0	40.197,0	76.430,0	1.230.596,0
Hà Nội	1.084,0	14.886,0	34.174,0	466.069,0
Trung du và miền núi phía Bắc	2.937,0	28.889,0	49.211,0	799.222,0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	3.552,0	33.037,0	55.693,0	969.260,0
Đông Nam Bộ	2.321,0	23.246,0	38.856,0	706.094,0
TP.Hồ Chí Minh	1.208,0	11.292,0	19.482,0	329.065,0
Đồng bằng sông Cửu Long	2.046,0	19.190,0	29.863,0	588.165,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

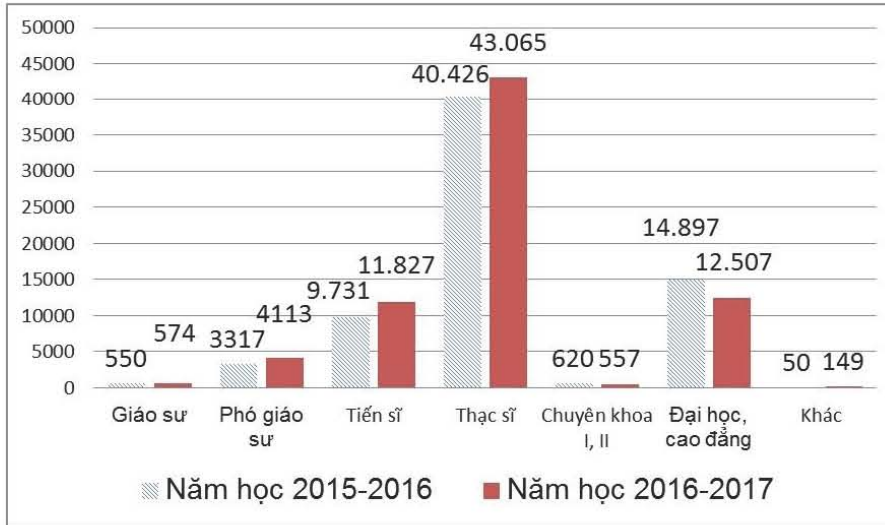
Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Tổ chức tốt kỳ thi trung học phổ thông quốc gia. Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh chất lượng hơn. Việc lựa chọn học nghề phổ thông của học sinh đã chuyển dần theo hướng phù hợp với nhu cầu phát triển kỹ năng, phục vụ nhu cầu lao động xã hội. Giáo dục đại học theo hướng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao; Tăng cường các giải pháp giáo dục đạo đức lối sống và phòng chống bạo lực học đường trong học sinh, sinh viên. Cơ sở dữ liệu của các cấp học đã được thống kê. Cải cách hành chính được thực hiện một cách quyết liệt. Cơ sở vật chất bảo đảm cho giáo dục được quan tâm hơn; Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh. Các hoạt động thúc đẩy, kết nối các nhà đầu tư, các cơ sở giáo dục, chia sẻ cơ hội đầu tư và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục.

Về phát triển đội ngũ giảng viên, năm học 2016-2017, tổng số giảng viên trong các trường đại học là 72.792 người, tăng 4,6% so với năm học 2015-2016, trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ là 16.514 (tăng 21,4%) và thạc sĩ là 43.065 (tăng 6,6%).

⁸. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016), Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

⁹. Công thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

Biểu 2: Số lượng giảng viên phân theo trình độ chức danh.



(Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Về lao động và việc làm

Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý I năm 2019 ước tính là 54,3 triệu người, giảm 208,3 nghìn người so với quý trước, tăng 329,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động có việc làm ở khu vực thành thị chiếm 33,01% và lao động nữ có việc làm chiếm 47,7% trong tổng số người có việc làm. Xu hướng lao động có việc làm trong quý I năm 2019 tăng rõ ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài nhà nước.

Bảng 3: Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo loại hình kinh tế

	Tổng số	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
Tổng số (Nghìn người)				
2016	53.302,8	4.698,6	45.016,1	3.588,1
2017	53.703,4	4.595,0	44.901,0	4.207,4
Sơ bộ 2018	54.249,4	4.523,1	45.187,9	4.538,4
Cơ cấu (%)				
2016	100,0	8,8	84,5	6,7
2017	100,0	8,6	83,6	7,8
Sơ bộ 2018	100,0	8,3	83,3	8,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Lao động có việc làm đã qua đào tạo từ trình độ "Sơ cấp nghề" trở lên trong quý I năm 2019 ước tính là 12,1 triệu người, chiếm 22,2% số lao động có việc làm của toàn quốc, tăng 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động trong quý I năm 2019 ước gần 1,1 triệu người, giảm 3,5

nghìn người so với quý trước và giảm 8,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2019 ước là 2,17%, không thay đổi so với quý trước và giảm 0,03 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước¹⁰.

Về năng suất lao động

Năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam thời gian qua tiếp tục cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm, là quốc gia có tốc độ tăng NSLĐ cao trong khu vực ASEAN. Với mức tăng trưởng kinh tế

năm 2018 đạt 7,08%, NSLĐ toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2018 ước tính đạt 102,2 triệu đồng/lao động (tương đương 4.521 USD/lao động); NSLĐ tăng 6% so với năm 2017. Bình quân giai đoạn 2016-2018, NSLĐ tăng 5,77%/năm, cao hơn mức tăng bình quân 4,35%/năm của giai đoạn 2011-2015. Tính chung giai đoạn 2011-2018, NSLĐ tăng bình quân 4,88%/năm¹¹.

4. Định hướng giải quyết một số vấn đề xã hội cơ bản

Từ các vấn đề xã hội cơ bản trong thực tiễn quá trình đi lên CNXH ở Việt Nam đã được đề cập đến ở trên, một số điểm đáng lưu ý về định hướng giải quyết những vấn đề xã hội cơ bản cụ thể như sau:

Thứ nhất, khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói giảm nghèo. Trong những năm tới cần thực hiện các yêu cầu là tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên xóa đói giảm nghèo bền vững ở các vùng, khắc phục tình trạng bao cấp dàn đều, tư tưởng ỷ lại, phấn đấu không còn hộ đói, giảm mạnh hộ nghèo, tăng nhanh hộ giàu, từng bước xây dựng gia đình cộng đồng và xã hội phồn vinh.

Thứ hai, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân về giáo dục và đào tạo, tạo việc làm, chăm sóc sức khỏe, văn hoá -

^{10, 11}. Tổng cục Thống kê.

thông tin, thể dục thể thao. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng hoá các loại hình cứu trợ xã hội, tạo việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao; Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương; Phân phối thu nhập xã hội công bằng, hợp lý để tạo được động lực phát triển mạnh, góp phần phòng chống tiêu cực, tệ nạn xã hội; Tăng nguồn lực đầu tư của nhà nước để phát triển các lĩnh vực xã hội và thực hiện các mục tiêu xã hội, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, coi đây là một chính sách có tính chiến lược, nhằm huy động mọi nguồn lực, trí tuệ của các thành phần kinh tế, của các tổ chức xã hội, của mọi người.

Thứ ba, phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả, bảo đảm mọi người dân được chăm sóc và nâng cao sức khoẻ. củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, hệ thống các chính sách bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Đổi mới cơ chế khám, chữa bệnh. Nhà nước tăng đầu tư, nâng cao mức và chất lượng chăm sóc sức khoẻ cơ bản cho toàn dân, quan tâm nhiều hơn nữa cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo. Chú trọng phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, khuyến khích phát triển đa dạng, các dịch vụ y tế ngoài công lập. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế.

Thứ tư, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Cụ thể, phát triển mạnh thể dục thể thao với phương châm kết hợp tốt thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại, chú trọng phát triển thể dục thể thao trường học, nâng cao chất lượng phong trào thể dục thể thao quần chúng. Có chính sách và cơ chế cần thiết để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng thể thao, phù hợp với điều kiện và tố chất người Việt Nam, đưa nền thể thao nước ta tới vị trí cao của khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và quốc tế ở những bộ môn thể thao mà Việt Nam có ưu thế.

Thứ năm, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội. Cụ thể là thực hiện tốt chính sách xã hội đối với người có công, gia đình thương binh, liệt sỹ như vấn đề nhà ở, khám chữa bệnh và điều dưỡng phục vụ sức khoẻ, các chính sách ưu tiên trong giáo dục, vấn đề trợ cấp cho những người có công với cách mạng.

Vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, uống nước, nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, người có công với nước, người được hưởng chính sách xã hội. Chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người già. Người tàn tật, trẻ mồ côi.

Thứ sáu, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng cụ thể là phát triển về quy mô gắn với chất lượng và hiệu quả các dịch vụ công cộng, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị công lập và huy động mạnh mọi nguồn lực của xã hội. Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cơ sở vật chất - kỹ thuật để nâng cao phúc lợi chung cho toàn xã hội...

5. Kết luận

Qua thực tiễn ở Việt Nam hiện nay cho thấy, các vấn đề xã hội có vị trí và vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội. Qua hơn 34 năm đổi mới, nhận thức mới của Đảng ta về những vấn đề xã hội, thể hiện ở hệ thống quan điểm, giải pháp về xây dựng và phát triển các vấn đề xã hội, trong quá trình đi lên CNXH. Quán triệt để vận dụng quan điểm, giải pháp trên vào thực tiễn là yêu cầu quan trọng hiện nay để đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trở thành hiện thực. Những thành công này không chỉ là sự ghi nhận công sức của cả nước trong suốt quá trình đổi mới, mà còn là cột mốc đánh dấu quá trình phát triển đúng hướng của Việt Nam hiện tại và tương lai. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb CTQG, H.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb CTQG, H.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb CTQG, H.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb CTQG, H.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb CTQG, H.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
9. Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
10. Tổng cục Thống kê.